

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày: 07 tháng 02 năm 2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/11/2019 và ngày 07/02/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 32/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Thái Thị A, địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai (nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Z, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai). Vắng mặt.

- Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Thái Thị A, Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty, địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Th, địa chỉ: Làng D, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ghi ngày 23/3/2019, đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 15/6/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Thái Thị A có quan hệ mua bán hàng nông sản là Cà phê, Điều và vay mượn tiền. Người trực tiếp giao dịch với bà Thái Thị A là em vợ ông T, tên là Phạm Thị Th. Đến ngày 15/11/2017, giữa bà Thái Thị A và bà Phạm Thị Th có đối chiếu giá trị hàng hóa mà bà Thái Thị A còn nợ phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T và tiền vay mượn là 6.600.000.000đ. Ông T không

xác định rõ số tiền nợ do mua bán Cà phê, Điều, số tiền nợ do vay mượn và không xác định thời gian giao dịch. Bà Thái Thị A chưa thanh toán tiền nợ mà có đề nghị thông qua bà Phạm Thị Th là được vay số tiền 6.600.000.000đ. Bà Th có hỏi ý kiến và được ông T đồng ý nên bà A có viết giấy vay ngày 15/11/2017 với số tiền là 6.600.000.000đ, lãi suất cho vay thỏa thuận là 1,5%/tháng nhưng không có ghi vào giấy vay tiền. Bà Thái Thị A đã trả tiền lãi được 03 tháng, từ ngày 15/11/2017 đến ngày 15/02/2018, mỗi tháng là 99.000.000đ, do bà Th trực tiếp nhận.

Ông T xác định chủ thể vay 6.600.000.000đ là cá nhân bà A vay, không phải là của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (Công ty H) vay vì ông chỉ biết cá nhân bà A mà không biết Công ty H có tài sản gì để đảm bảo cho việc trả nợ. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ia Grai, ông T có khai “bản chất số tiền 6.600.000.000 đồng Công ty H đang còn nợ tôi là tiền em tôi (Th) bán Cà phê cho Công ty H sau đó cho Công ty H mượn để kinh doanh buôn bán. Hiện nay số tiền trên Công ty H chưa trả cho tôi”, việc ông T khai xác định khoản nợ này là của Công ty là không chính xác vì lý do ông không đọc kỹ và không hiểu rõ quy định của pháp luật nên có sự nhầm lẫn giữa Công ty và cá nhân bà A.

Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A phải trả số tiền nợ gốc là 6.600.000.000đ, số nợ lãi tạm tính từ ngày 16/02/2018 đến ngày 15/6/2019 là 1.584.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến khi bà A trả hết nợ gốc và lãi.

Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu về tiền lãi, cụ thể yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thị A trả số tiền gốc 6.600.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 16/02/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ với mức lãi suất 10%/năm.

- *Ý kiến của bị đơn, đồng thời là người đại diện của người có quyền và nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H là bà Thái Thị A:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thái Thị A vắng mặt, không đến Tòa án làm việc. Bà Võ Thị Tuyết (là cháu của bà A), địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, có đến Tòa án cung cấp văn bản ghi ý kiến của bà Thái Thị A, nội dung thể hiện như sau:

Bà Thái Thị A thừa nhận vào ngày 15/11/2017, giữa bà và bà Phạm Thị Th có thỏa thuận về việc vay số tiền 6.600.000.000đ, có lập giấy vay tiền trong giấy vay ghi tên người cho vay là ông Nguyễn Ngọc T, có thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 20.000.000đ/tỷ. Một nửa số tiền là do bà Phạm Thị Th trực tiếp đưa, một nửa là chuyển từ tiền nợ do mua bán cà phê, điều sang tiền vay. Từ ngày 15/11/2017 đến ngày 10/3/2018, bà đã trả lãi hàng tháng, mỗi tháng là 132.000.000đ, đã trả lãi trả trực tiếp cho bà Phạm Thị Th nhưng không có lập văn bản về việc trả lãi. Lý do chưa trả nợ là vì Công ty H làm ăn thua lỗ nên đề nghị được trả dần tiền gốc, không trả tiền lãi.

Về chủ thể vay tiền và có nghĩa vụ trả nợ: Ý kiến trình bày của bà Thái Thị A trong các văn bản cung cấp cho Tòa án không thể hiện nội dung thống nhất mà có sự mâu thuẫn về chủ thể vay tiền, đó là cá nhân bà Thái Thị A hay là Công ty H mà bà A là chủ sở hữu và là người đại diện theo pháp luật. Cụ thể:

Tại Đơn trình bày ngày 14/04/2019, bà Thái Thị A trình bày: “...Tôi có nợ ông Nguyễn Ngọc T số tiền là 6.600.000.000đ ... Nhưng tôi vay của ông Nguyễn Ngọc T này qua bà Phạm Thị Th, chứ không trực tiếp với ông T...”.

Tại Đơn trình bày ngày 04/7/2019, bà Thái Thị A trình bày “...tôi đứng ra vay cho Công ty tôi. Nay công ty làm ăn thua lỗ, hiện tại Thi hành án huyện Ia Grai đang bán đấu giá tài sản. Vay bán được tài sản tôi trả Ngân hàng. Ngoài ra còn bao nhiêu tôi sẽ trả cho bà Th theo “giấy vay tiền mang tên ông Nguyễn Ngọc T...”.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/7/2019, bà A trình bày: “...Công ty H vay số tiền 6.600.000.000đ “sáu tỷ sáu trăm triệu đồng” của ông Nguyễn Ngọc T là người đứng tên trong giấy vay. Còn tôi là Thái Thị A đại diện công ty vay...”.

Tòa án đã triệu tập và có văn bản số 268/TB-TA ngày 07/8/2019 yêu cầu bà Thái Thị A đến Tòa án hoặc trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ để làm rõ số tiền 6.600.000.000đ là cá nhân bà Thái Thị A hay Công ty H vay, có nghĩa vụ trả nợ; Lý do tại sao đóng dấu vào phần chữ ký trong giấy vay tiền và căn cứ xác định và chứng cứ chứng minh chủ thể có nghĩa vụ trả nợ là Công ty H.

Tại đơn trình bày ngày 16/8/2019, bà A trình bày: “...Vào ngày 15/11/2017, bà Thái Thị A cũng là giám đốc công ty H có vay của bà Phạm Thị Th số tiền 6.600.000.000đ.... Tổng số nợ của bà Th là Công ty H có trách nhiệm trả nợ... Toàn bộ hóa đơn, chứng từ hiện do Công an tỉnh Gia Lai đã giữ...”.

Ngày 19/8/2019, Tòa án đã có văn bản số 277/TB-TA yêu cầu bà Thái Thị A cung cấp ý kiến trình bày căn cứ để xác định chủ thể có nghĩa vụ trả nợ là Công ty H; cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nguồn gốc của khoản tiền vay hoặc số tiền vay được nhập vào sử dụng trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Trường hợp không cung cấp được thì xác định rõ những tài liệu, chứng cứ để yêu cầu Tòa án thu thập.

Tại đơn trình bày ngày 03/9/2019, bà Thái Thị A trình bày như sau: “...Ngày 15/11/2017, tôi là Thái Thị A có vay tiền của bà Phạm Thị Th là 6.600.000.000đ (sáu tỷ sáu trăm triệu đồng y). Trong giấy vay tiền là viết tên Nguyễn Ngọc T. Vì tôi là giám đốc công ty mà công ty một thành viên nên mọi việc đều là tôi chịu trách nhiệm. Khoản tiền trên là tôi vay cho công ty vì bà Th bán cà phê và điều khô tại công ty tôi và tôi đã vay lại số tiền đó để mục đích là sử dụng thêm vốn cho công ty mua bán... Toàn bộ số tiền trên là tôi vay để cho công ty có thêm vốn mà kinh doanh, chứ không sử dụng riêng cho cá nhân tôi trong việc gì hết...”.

- *Ý kiến của bà Nguyễn Thị Th:* Số tiền 6.600.000.000đ trong giấy vay tiền ngày 15/11/2017, có nguồn gốc là từ việc mua bán cà phê và tiền vay mượn của ông Nguyễn Ngọc T do bà Th trực tiếp đứng ra giao dịch. Cụ thể là giữa bà Th và bà A có quan hệ mua bán cà phê, bà Th thu mua cà phê sau đó đem gửi vào kho của bà A và sau đó bán lại cho bà A. Sau đó, ông T có nhu cầu nên đặt vấn đề mua lại cà phê của bà A thì bà A có cắt giá bán cho ông T số lượng cà phê mà tôi đã bán cho bà A. Sau đó, ông T cắt giá bán lại số cà phê này cho bà A. Việc mua bán cà phê giữa bà A với bà Th và ông T không được lập thành hợp đồng bằng văn bản. Bà Th xác định việc mua bán là với cá nhân bà A. Đến ngày 15/11/2017, giữa bà Th và bà A có đối chiếu tổng hợp nợ do mua bán Cà phê và tiền vay mượn

trước đó thể hiện bà A nợ 6.600.000.000đ. Bà Th không xác định được rõ số tiền nợ do mua bán Cà phê, Điều, số tiền nợ do vay mượn và không xác định thời gian giao dịch vì thời gian đã lâu, không còn giữ chứng từ. Sau khi đối chiếu nợ thì bà A không thanh toán mà có đề nghị được vay lại số tiền này, bà Th có hỏi ý kiến và được ông T đồng ý nên bà A có viết giấy vay tiền ngày 15/11/2017 với số tiền vay là 6.600.000.000đ, lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng nhưng không có ghi vào giấy vay tiền. Bà A đã trả lãi đến tháng 03 tháng, từ ngày 15/11/2017 đến ngày 15/02/2018, mỗi tháng là 99.000.000đ, do bà Th trực tiếp nhận và đưa lại cho ông T. Bà Th xác định việc vay tiền là cá nhân bà A vay, nhưng khi viết giấy vay thì bà A lại đóng dấu của Công ty H vào. Số tiền bà A vay là của ông T nên yêu cầu bà A trả cho ông T.

- Theo kết quả xác minh của Tòa án tại Chi cục thuế khu vực Ia Grai – Chư Păh thể hiện trong quá trình kê khai thuế đối với hoạt động kinh doanh của Công ty H thì không có khoản nợ phát sinh 6.600.000.000đ.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, nguyên đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Th đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận vì lý do đây là khoản nợ có nguồn gốc từ việc mua bán hàng hóa của Công ty H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là bà Thái Thị A và Công ty H do bà Thái Thị A là người đại diện theo pháp luật đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là văn bản ngày 15/11/2017 được các bên thừa nhận nên được xác định là đúng sự thật.

[3] Chứng cứ là văn bản ngày 15/11/2017 thể hiện nội dung bà A ký tên với tư cách là “*Người vay*”, đồng thời lời khai của bà A xác định đây là khoản vay có lãi suất. Do đó, có căn cứ xác định ý chí của các bên khi xác lập giao dịch và bản chất văn bản này là hợp đồng vay tiền, không phải là giấy xác nhận nợ do mua bán hàng hóa.

[4] Nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T xác định người vay và có nghĩa vụ trả số tiền 6.600.000.000đ là cá nhân của bà Thái Thị A, không phải là của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H. Ý kiến của bà Thái Thị A trong quá trình giải quyết vụ án về việc xác định chủ thể vay tiền và có nghĩa vụ trả nợ không có sự đồng nhất, không có sự phân định rõ ràng giữa cá nhân bà Thái Thị A với tư cách là chủ sở hữu và pháp nhân là Công ty H mà bà Thái Thị A là đại diện theo pháp luật. Việc xác định bà Thái Thị A xác lập giao dịch vay tiền với tư cách chủ thể là người đại diện theo pháp luật của Công ty H hay với tư cách chủ thể cá nhân

bà Thái Thị A có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chủ thể có nghĩa vụ trả nợ.

[5] Xét Công ty H do bà Thái Thị A là chủ sở hữu, đồng thời là người đại diện theo pháp luật. Trong quá trình hoạt động, phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty.

[6] Khoản 3, khoản 4 Điều 76 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định về nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty:

“3. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và giám đốc hoặc tổng giám đốc;

4. Tuân thủ đúng quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty;”

[7] Theo các quy định của Luật doanh nghiệp 2014 được viện dẫn ở trên thì bà Thái Thị A với tư cách là chủ sở hữu công ty, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của công ty phải nhận thức và có nghĩa vụ xác định, tách biệt tài sản nào thuộc về cá nhân và tài sản nào thuộc về công ty, trong các giao dịch phải tuân thủ đúng các quy định về hợp đồng để phân biệt giao dịch nào được xác lập với tư cách là cá nhân, giao dịch nào được xác lập với tư cách của pháp nhân.

[8] Bà Thái Thị A có ý kiến cho rằng khoản vay phục vụ mục đích kinh doanh của Công ty H và nghĩa vụ trả nợ thuộc về Công ty. Xét bà Thái Thị A có quyền xác lập các giao dịch vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty với tư cách cá nhân là chủ sở hữu Công ty hoặc với tư cách là người đại diện theo pháp luật cho Công ty. Tuy nhiên, trong hợp đồng phải xác định rõ tư cách chủ thể, phân biệt giữa cá nhân bà Thái Thị A và pháp nhân là Công ty H.

[9] Chứng cứ là giấy vay tiền ngày 15/11/2017 thể hiện nội dung “A mượn! Nguyễn Ngọc tuyến số tiền 6.600.000.000 (Sáu tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn”. Thời gian 1 tháng trả!”. Tại phần ký xác nhận thể hiện là “Người vay” và chữ ký, chữ viết ghi tên Thái Thị A. Xét chứng cứ là giấy vay tiền, nội dung về chủ thể vay tiền thể hiện là bà Thái Thị A. Trong giấy vay tiền mặc dù có đóng dấu của công ty H vào phần chữ ký của người vay trong giấy vay tiền nhưng không có nội dung nào khác thể hiện Công ty H là chủ thể vay tiền và bà Thái Thị A ký xác lập giao dịch với tư cách là người đại diện hợp pháp của công ty với chức danh là Chủ tịch hoặc giám đốc.

[10] Tòa án cũng đã yêu cầu Công an tỉnh Gia Lai cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến hoạt động mua bán giữa Công ty H với ông T, bà Th; tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc vay mượn số tiền 6.600.000.000đ giữa bà Thái Thị A và ông Nguyễn Ngọc T, bà Phạm Thị Th. Xét chứng cứ mà Công an tỉnh Gia Lai cung cấp cho Tòa án không có chứng cứ cụ thể chứng minh được việc chủ thể vay khoản tiền trên là Công ty H. Đồng thời, Tòa án cũng đã yêu cầu bà Thái Thị A nêu rõ căn cứ để xác định và cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nguồn gốc hình thành của số tiền vay và nghĩa vụ trả nợ tiền vay thuộc về công ty H nhưng bà Thái Thị A không cung cấp chứng cứ nào để chứng minh khoản vay

trên có nguồn gốc từ hoạt động mua bán của Công ty H và nghĩa vụ trả nợ thuộc về Công ty. Mặc khác, theo kết quả xác minh của Tòa án thì Công ty H không phát sinh hoạt động thuế trên khoản nợ phát sinh 6.600.000.000đ này. Do đó, không có chứng cứ chứng minh bà A ký giao dịch vay tiền với tư cách là người đại diện hợp pháp của Công ty.

[11] Đồng thời, theo lời khai của bà Thái Thị A thì lãi suất thỏa thuận vay số tiền của ông T là 20.000.000đ/tỷ/tháng, tương đương với 2%/tháng. Trong trường hợp bà A xác lập giao dịch vay tiền với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty thì điều này không phù hợp với nguyên tắc huy động vốn của Công ty được quy định tại Điều 19 của Điều lệ Công ty là Công ty được huy động vốn nhưng lãi suất huy động không vượt quá tỷ lệ lãi suất của các Ngân hàng thương mại tại thời điểm huy động.

[12] Ý kiến của Kiểm sát viên cho rằng nguồn gốc của số tiền là tiền nợ trong hoạt động mua bán của Công ty H nên nghĩa vụ trả nợ thuộc về Công ty. Tuy nhiên, theo lời khai của bà A thì số tiền vay có một nửa là tiền nợ do mua Điều, một nửa là nhận tiền mặt; ông T và bà Th cũng xác định là từ tiền nợ do mua bán Cà phê và tiền vay mượn trước đó. Xét mặc dù số tiền vay 6.600.000.000đ có nguồn gốc một phần từ hoạt động mua bán hàng hóa, tuy nhiên không có chứng cứ cụ thể nào để chứng minh việc mua bán là giao dịch của ông T, bà Th với Công ty H, mà theo ông T, bà Th thì đây là hoạt động mua bán với cá nhân bà A. Điều quan trọng đó là số tiền nợ do mua bán hàng hóa đã được các bên thỏa thuận chuyển hóa thành tiền vay, không phải là giấy xác nhận nợ do mua bán hàng hóa, bà A hoàn toàn có quyền xác lập giao dịch vay tiền với tư cách cá nhân là chủ sở hữu công ty để đầu tư cho Công ty và nội dung thể hiện trong giấy vay tiền không chứng minh được chủ thể vay tiền là Công ty H. Điều này phù hợp với lời khai của bà Thái Thị A trong các đơn trình bày thể hiện bà là người vay tiền với mục đích là bổ sung vốn cho công ty kinh doanh. Do đó, không có căn cứ xác định Công ty H là chủ thể vay tiền.

[13] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ xác định chủ thể vay tiền là Công ty H, do bà Thái Thị A đại diện xác lập giao dịch. Chỉ có căn cứ để xác định chủ thể vay tiền thể hiện trên giấy vay tiền là cá nhân bà Thái Thị A. Do đó, trách nhiệm trả nợ khoản vay 6.600.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 15/11/2017 thuộc về bà Thái Thị A.

[14] Bà Phạm Thị Th xác định khoản tiền vay là của ông Nguyễn Ngọc T, không phải của bà Th và yêu cầu bà Thái Thị A trả nợ cho ông T nên bà Thái Thị A có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Ngọc T.

[15] Về yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản tiền gốc: Trong giấy vay tiền ngày 15/11/2017, thể hiện thời hạn trả nợ trong 01 tháng. Các đương sự đều xác định còn nợ tiền gốc. Bị đơn phải có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền vay gốc là 6.600.000.000đ.

[16] Về yêu cầu trả tiền lãi: Nguyên đơn xác định mức lãi suất các bên thỏa thuận vay là 1,5%/tháng, đã thu tiền lãi từ ngày 15/11/2017 đến ngày 15/02/2018, mỗi tháng là 99.000.000đ. Bị đơn cho rằng mức lãi suất là 2%/tháng, đã trả lãi

hàng tháng đến ngày 10/3/2018, mỗi tháng là 132.000.000đ. Tuy nhiên, trong giấy vay tiền ngày 15/11/2017 không thể hiện mức lãi suất cụ thể, các bên không có chứng cứ để chứng minh mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận và số tiền lãi mà các bên đã thanh toán cụ thể. Xét các bên đều thừa nhận hợp đồng vay tiền có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ và có tranh chấp về mức lãi suất nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất vay là 10%/năm. Các đương sự không cung cấp được chứng cứ về tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi mà nguyên đơn xác định đã nhận là có căn cứ và số tiền lãi này trong mức lãi suất pháp luật quy định nên Hội đồng xét xử không tính lại. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, số tiền lãi phát sinh từ 16/02/2018 cho đến ngày xét xử 07/02/2020 là $(6.600.000.000 \times 10\% / 365 \times 722 =) 1.305.534.246\text{đ}$.

[17] Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 7.905.534.246đ. Trong trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả.

[18] Về án phí: Bà Thái Thị A là người phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu 115.905.534đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T.

Buộc bà Thái Thị A phải trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 7.905.534.246đ (bảy tỷ chín trăm lẻ năm triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bà Thái Thị A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Bà Thái Thị A phải nộp 115.905.534đ (một trăm mười lăm triệu chín trăm lẻ năm nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 58.092.000đ (năm mươi tám triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005581 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy